

Số: /KH-SNN

Cao Bằng, ngày 23 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện kịch bản tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp 6 tháng cuối năm 2022

Thực hiện Quyết định số 2515/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022, sau 6 tháng triển khai thực hiện các nhiệm vụ lĩnh vực nông, lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch thực hiện kịch bản tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh Cao Bằng thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh có những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, diễn biến phức tạp, tác động mạnh đến phát triển kinh tế địa phương và khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2022. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, ngay từ đầu năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội lĩnh vực nông, lâm nghiệp; ban hành phương án sản xuất vụ Đông - Xuân 2021 - 2022; chỉ đạo các địa phương quan tâm chăm sóc, thu hoạch cây trồng vụ Đông xuân 2022; phát triển các đàn vật nuôi đảm bảo an toàn sinh học, phòng chống các loại dịch bệnh trên động vật; phát triển kinh tế rừng, trồng rừng và bảo vệ rừng, ngăn chặn các vụ vi phạm về Luật Lâm nghiệp... Diện tích, sản lượng của một số loại cây trồng chính đạt và vượt chỉ tiêu Kế hoạch đã đề ra như ngô, lúa, thuốc lá, mía... Dịch tả lợn Châu Phi cơ bản được kiểm soát, công tác tái đàn, khôi phục sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh đang triển khai thuận lợi. Tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm đạt 2,07% so với cùng kỳ. Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

1. Trồng trọt: Theo tính toán của ngành nông nghiệp, tổng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt 6 tháng đầu năm ước đạt 1.089.648 triệu đồng. Trong đó, diện tích một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như thuốc lá, dong riềng, thạch đen đều vượt so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể:

- Về cây lương thực: Sản lượng lương thực đạt 125.184/119.547 tấn, đạt 104,7% KH, bằng 101,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

+ Lúa xuân diện tích 3.711,6 ha/3.657 ha, đạt 101,5% KH, bằng 102,2% so với cùng kỳ; năng suất đạt 51,7 tạ/ha/51,0 tạ/ha, đạt 101,4% KH, bằng 100,1% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 19.189 tấn/18.650,7 tấn đạt 100,9% KH, bằng 102,27% so với cùng kỳ.

+ Ngô xuân: diện tích 25.802 ha/25.308 ha, đạt 102,0% KH; bằng 99,77%

so với cùng kỳ; năng suất đạt 41,08 tạ/ha/39,8 tạ/ha, đạt 103,2% KH, bằng 100% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 105.995,7 tấn/100.825 tấn đạt 105,1% KH, bằng 99,73% so với cùng kỳ.

- Về cây công nghiệp: Cây thuốc lá, diện tích 3.290 ha/3.056 ha, đạt 107,7% KH, bằng 109,0% so với cùng kỳ; năng suất đạt 25,51/25,0 tạ/ha, đạt 102,0% KH, bằng 103,7% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 8.392,8 tấn/7.678 tấn bằng 109,3% KH, bằng 110,7% so với cùng kỳ.

- Về một số cây trồng khác:

+ Cây Dong riềng: diện tích 473,0/371,0 ha, đạt 127,5% KH, bằng 116,5% so với cùng kỳ; năng suất đạt 539,7/566 tạ/ha, đạt 95,4% KH, bằng 108,1% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 25.529,2 tấn/21.006 tấn, đạt 121,5% KH, bằng 125,8% so với cùng kỳ.

+ Cây Thạch đen: diện tích 563,6/415,0 ha, đạt 135,8% KH, bằng 109,5% so với cùng kỳ; năng suất đạt 56,7/55 tạ/ha, đạt 103,1% KH, bằng 100,3 % so với cùng kỳ; sản lượng đạt 3.195,6 tấn/2.268 tấn, đạt 140,9% KH, bằng 109,8% so với cùng kỳ.

+ Cây Đỗ tương: Diện tích 499,71/608 ha, đạt 82,12% KH, bằng 82,12% so với cùng kỳ; năng suất đạt 8,40/9,29 tạ/ha, đạt 90,41% KH, bằng 99,58% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 419,72/565 tấn, đạt 74,24% KH, bằng 90,81% so với cùng kỳ.

+ Cây Lạc: Diện tích 295/316 ha, đạt 93,38% KH, bằng 97,92% so với cùng kỳ; năng suất đạt 11,95/12,01 tạ/ha, đạt 99,53% KH, bằng 99,82% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 353/380 tấn, đạt 92,94% KH, bằng 97,74% so với cùng kỳ.

- Tổng diện tích các loại cây lâu năm hiện có là 9.123 ha, tăng 13,29% hay tăng 1.070 ha so cùng kỳ năm trước, tăng chủ yếu ở nhóm cây dược liệu, đặc biệt là cây hồi. Trong đó: cây gia vị, cây dược liệu lâu năm diện tích hiện có 5.759 ha, tăng 19,31% hay tăng 932 ha; cây ăn quả hiện có 2.753 ha, tăng 5,4% hay tăng 141 ha so với cùng kỳ; cây lâu năm khác diện tích hiện có 399 ha, giảm 0,25% hay giảm 1 ha so với cùng kỳ; chè và cây lấy quả chứa dầu diện tích hiện có 212 ha, giảm 0,93% hay giảm 2 ha. Sản lượng thu hoạch như sau: cây chuối thu hoạch đạt 1.533 tấn, tăng 3,09% hay tăng 46 tấn so với cùng kỳ năm trước; cây thanh long thu hoạch đạt 155 tấn, tăng 46,23% hay tăng 49 tấn; cây dứa thu hoạch đạt 291 tấn, tăng 43,35% hay tăng 88 tấn; ổi thu hoạch đạt 48 tấn, tăng 4,34% hay tăng 2 tấn; mận thu hoạch đạt 453 tấn, tăng 1,57% hay tăng 7 tấn; chè búp thu hoạch đạt 167 tấn, tăng 9,15% hay tăng 14 tấn; hồi thu hoạch đạt 1.095 tấn, tăng 10,05% hay tăng 100 tấn.

2. Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2022 tương đối ổn định. Theo tính toán của ngành nông nghiệp, giá trị sản xuất ước tính 651.498 triệu đồng. Kết quả phát triển chăn nuôi như sau:

- Tổng đàn trâu: Có 106.334 con, bằng 104,42% so với cùng kỳ năm 2021 (tăng 4,42% hay tăng 4.497 con); số con xuất chuồng là 3.901 con bằng 104,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 963,32 tấn, so với cùng kỳ năm trước bằng 104,7% hay tăng 44,06 tấn).

- Tổng đàn bò: Có 105.929 con, bằng 97,11% so với cùng kỳ năm 2021 (giảm 2,89% hay giảm 3.157 con). Số con xuất chuồng là 5.465 con, so với cùng kỳ năm trước bằng 103,9% hay tăng 210 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 1172,77 tấn, so với năm trước bằng 107% hay tăng 76 tấn

- Tổng đàn lợn hiện có 310.133 con, so với cùng kỳ bằng 105,7% (tăng 5,7% hay tăng 16.735 con). Trong đó: lợn thịt có 224.991 con, bằng 105,3% (tăng 5,3% hay tăng 11.317 con); lợn nái có 37.473 con, bằng 100,36% (tăng 0,36% hay tăng 133 con); lợn nái đẻ là 28.748 con, bằng 100,09% (tăng 0,09% hay tăng 26 con); lợn con chưa tách mẹ là 47.359 con, bằng 112,37% (tăng 12,37% hay tăng 5.213 con) so với cùng kỳ; Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 13.820 tấn, so với cùng kỳ năm trước bằng 103,7% hay tăng 505 tấn.

- Tổng số gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng): Có 3.048,11 nghìn con, cùng kỳ bằng 101,09% (tăng 1,09% hay tăng 32,97 nghìn con); gia cầm đẻ trứng trong tổng đàn gia cầm là 657,6 nghìn con, bằng 99,92% (giảm 0,28% hay giảm 0,54 nghìn con) so với cùng thời điểm năm trước; số con gia cầm giết bán là 1.559,92 nghìn con, so với cùng kỳ năm trước bằng 102,17% (tăng 2,17% hay tăng 33,09 nghìn con). Sản lượng thịt hơi gia cầm xuất chuồng đạt 3.074,7 tấn, so với cùng kỳ năm trước bằng 101,24% (tăng 1,24% hay tăng 37,64 tấn), sản lượng trứng gia cầm đạt 19.574,29 nghìn quả, so với cùng kỳ năm 2021 bằng 99,85% (giảm 0,15% hay giảm 29,76 nghìn quả).

3. Lâm nghiệp

Theo tính toán của ngành nông nghiệp, tổng giá trị sản xuất lĩnh vực lâm nghiệp 6 tháng đầu năm ước đạt 247.789 triệu đồng. Tổng diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 1.423,58 ha (trong đó, dân tự trồng 1.150,28 ha), tăng 11,35% hay tăng 145,09 ha so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 18,18%, quý II tăng 21,86%); sản lượng gỗ khai thác ước đạt 9.548 m³, giảm 26,09% (quý I giảm 34,42%, quý II giảm 18,5%); sản lượng củi khai thác ước đạt 398.115 ste, tăng 0,6% (quý I tăng 1,01%, quý II tăng 0,19%). Số cây lâm nghiệp trồng phân tán trồng được 290,73 nghìn cây.

4. Thủy sản

Theo tính toán của ngành nông nghiệp, tổng giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản 6 tháng đầu năm ước đạt 5.943 triệu đồng. Tổng diện tích nuôi trồng ước đạt 364,52 ha, tăng 1,44% so cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 265,28 tấn, tăng 1,17% hay tăng 3,07 tấn so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 2,5%, quý II giảm 0,39%) trong đó: sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 219 tấn, giảm 0,48% hay giảm 1,02 tấn (quý I tăng 2,17%, quý II giảm 3,66%); sản lượng thủy sản khai thác ước tính đạt 52 tấn, tăng 8,54% hay tăng 4,09 tấn (quý I tăng 4,08%, quý II tăng 13,2%) so với cùng kỳ năm trước.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. MỤC TIÊU

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế, đặt mục tiêu giá trị sản xuất (GO) đạt 4.591,1 tỉ đồng, tăng 161,4 tỉ đồng hay tăng 3,65% so với năm 2021. Tổng sản phẩm (GRDP) lĩnh vực nông lâm nghiệp đạt 2.556,4 tỉ đồng, tăng 76,1 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2021 hay tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 lĩnh vực nông, lâm nghiệp đạt 3,07 % so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể:

+ Giá trị sản xuất lĩnh vực Trồng trọt đạt 2.682 tỷ đồng, bằng 103% hay tăng 78 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2021.

+ Giá trị sản xuất lĩnh vực Chăn nuôi đạt 1.329,5 tỷ đồng, bằng 105,39% hay tăng 67,9 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2021.

+ Giá trị sản xuất lĩnh vực Lâm nghiệp đạt 425,8 tỷ đồng, bằng 102% hay tăng 8,3 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2021.

+ Giá trị sản xuất lĩnh vực Thủy sản đạt 17,6 tỷ đồng, bằng 104% hay tăng 679,5 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021.

+ Giá trị sản xuất lĩnh vực Dịch vụ nông nghiệp đạt 135,9 tỷ đồng, bằng 105% hay tăng 6,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021.

(Chi tiết theo Biểu 06, Biểu 07 kèm theo).

- Xác định giá trị, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi, sản phẩm nông nghiệp chính cần đạt được trong 6 tháng cuối năm 2022.

- Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

2. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:

2.1. Về trồng trọt

- Phân đấu giá trị sản xuất lĩnh vực Trồng trọt cả năm đạt 2.682.138 triệu đồng, bằng 103% hay tăng 78.033 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, đẩy mạnh tập trung thực hiện hoàn thành vượt các chỉ tiêu về năng suất của các loại cây trồng theo Kế hoạch tại Quyết định số 2515/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022. Tổ chức gieo cấy toàn diện tích các cây trồng chính vụ hè thu, chăm sóc cây trồng, chuẩn bị vật tư nông nghiệp đầy đủ, tăng cường công tác dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh hại, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao; chuyển đổi các cây trồng giá trị kinh tế thấp sang các cây trồng giá trị kinh tế cao; áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hoá vào gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch các loại cây trồng vụ hè - thu đảm bảo đúng thời vụ; tăng cường rà soát, lựa chọn, áp dụng các loại giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, thực hiện tăng vụ sản xuất để tăng thu nhập, cụ thể:

+ Diện tích gieo cấy lúa mùa đạt 25.975 ha (tăng 425 ha so với cùng kỳ); năng suất đạt 45,1 tạ/ha (tăng 0,5 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng đạt 117.149 tấn (tăng 1.536 tấn so với cùng kỳ). Tổng diện tích trồng lúa cả năm đạt 29.687 ha, bằng 101,7% so với cùng kỳ; năng suất lúa cả năm đạt 45,9 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so với cùng kỳ; tổng sản lượng lúa cả năm ước đạt 136.338 tấn (tăng 2.678 tấn so với cùng kỳ); tổng giá trị sản xuất cả năm đạt 731.131 triệu đồng, tăng 17.431 triệu đồng so với cùng kỳ 2021.

+ Diện tích cây ngô hè thu đạt 14.967 ha (giảm 424,5 ha so với cùng kỳ 2021); năng suất ước đạt 33,6 tạ/ha (tăng 1 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng đạt 50.320 tấn (bằng 100% so với cùng kỳ). Tổng diện tích trồng ngô cả năm là 40.769 ha, bằng 98,7% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 38,32 tạ/ha, tăng 0,38 tạ/ha so với cùng kỳ; tổng sản lượng ngô cả năm ước đạt 156.225 tấn, bằng 99,8% so với cùng kỳ năm 2021; giá trị sản xuất đạt 741.134 triệu đồng, giảm 663 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021 (do đầu vụ mùa năm 2021 xảy ra hạn kéo dài nên người dân không gieo cấy được chuyển sang trồng ngô, đến năm 2022 thời tiết thuận lợi nên người dân tiến hành gieo cấy bình thường).

+ Đỗ tương hè thu diện tích gieo trồng đạt 2.057 ha (tăng 158 ha so với cùng kỳ); năng suất đạt 11 tạ/ha (tăng 0,2 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng 2.262,7 tấn (tăng 254 tấn so với cùng kỳ). Tổng diện tích đỗ tương cả năm đạt 2.556,7 ha, bằng 106,3% so với cùng kỳ; năng suất đạt 10,49 tạ/ha, tăng 0,23 tạ/ha so với cùng kỳ; Tổng sản lượng đỗ tương cả năm ước đạt 2.682 tấn, bằng 106,9% so với cùng kỳ, giá trị sản xuất đạt 32.984 triệu đồng, tăng 2.925 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021.

+ Lạc hè thu diện tích gieo trồng đạt 1.593 ha (giảm 15 ha so với cùng kỳ); năng suất đạt 15,7 tạ/ha (tăng 0,6 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng đạt 2.501 tấn (tăng 14 tấn so với cùng kỳ). Tổng diện tích trồng lạc cả năm đạt 2.501 ha, bằng 98,8% so với cùng kỳ; năng suất đạt 15,11 tạ/ha, tăng 0,21 tạ/ha so với cùng kỳ; sản lượng lạc cả năm ước đạt 2.854 tấn, bằng 100,2% so với cùng kỳ, giá trị sản xuất đạt 42.072 triệu đồng, tăng 180,5 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021.

- Tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là khâu chăm sóc, thu hoạch nhằm nâng cao năng suất, sản lượng và giá trị một số cây trồng:

+ Cây mía: diện tích gieo trồng đạt 3.049,2 ha (tăng 204 ha so với cùng kỳ năm 2021); năng suất ước đạt 679,8 tạ/ha (tăng 69,7 tạ/ha so với cùng kỳ năm 2021); sản lượng 207.278,5 tấn (tăng 33.645 tấn); giá trị sản xuất ước đạt 132.865 triệu đồng (tăng 21.677 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Sản diện tích gieo trồng đạt 2.633 ha (giảm 269 ha so với cùng kỳ năm 2021); năng suất đạt 155 tạ/ha (tăng 0,6 tạ/ha so với cùng kỳ năm 2021); sản lượng 40.821 tấn (giảm 3.947 tấn); giá trị sản xuất ước đạt 90.051 triệu đồng (giảm 8.669 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Gừng trâu diện tích gieo trồng đạt 166,7 ha (tăng 24,3 ha so với cùng kỳ năm 2021); năng suất đạt 181 tạ/ha (tăng 1 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng đạt

3.017 tấn (tăng 425 tấn so với cùng kỳ); giá trị sản xuất ước đạt 28.664 triệu đồng (tăng 4.320 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Thạch đen diện tích gieo trồng đạt 563,6 ha (tăng 48,7 ha so với cùng kỳ năm 2021); năng suất đạt 56,7 tạ/ha (tăng 0,16 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng đạt 3.195,6 tấn (tăng 284,6 tấn so với cùng kỳ); giá trị sản xuất ước đạt 39.945 triệu đồng (tăng 3.954 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Lê diện tích cho thu hoạch đạt 433 ha (tăng 39 ha so với cùng kỳ); năng suất đạt 45 tạ/ha (tăng 0,8 ha so với cùng kỳ); sản lượng đạt 1.948,5 tấn (tăng 185 tấn so với cùng kỳ); giá trị sản xuất ước đạt 8.132 triệu đồng (tăng 773 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Hạt dẻ diện tích cho thu hoạch đạt 400 ha; năng suất 5,8 tạ/ha (tăng 0,13 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng 232tấn (tăng 82 tấn so với cùng kỳ). Giá trị sản xuất ước đạt 2.078 triệu đồng (tăng 727 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

+ Hồi diện tích cho thu hoạch cả năm đạt 4.080 ha (tăng 33,2 ha so với cùng kỳ); năng suất đạt 9,2 tạ/ha, (tăng 0,3 tạ/ha so với cùng kỳ); sản lượng 3.754 tấn (tăng 135 tấn so với cùng kỳ); giá trị sản xuất đạt 155.787 triệu đồng (tăng 5.894 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

- Ngoài ra các loại cây trồng khác đảm bảo thực hiện đảm bảo đủ tiện ích gieo trồng, cho năng suất và chất lượng tốt. Ước tính giá trị sản xuất các loại cây trồng khác đạt 389.477 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 01 kèm theo).

2.2. Về chăn nuôi

- Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất, đặt mục tiêu tổng giá sản xuất lĩnh vực Chăn nuôi đạt 1.329.563 triệu đồng, bằng 105,39% hay tăng 67.953 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021. Tổng sản lượng chăn nuôi đạt 40.250 tấn, tăng 1.906 tấn so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Tập trung tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển tăng đàn vật nuôi để phát triển các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, áp dụng công nghệ cao như: Dự án Trang trại chăn nuôi tại xã Vân Trình, Dự án đầu tư Trang trại lợn giống Ngọc Khê; Dự án Trang trại chăn nuôi Thông Huệ 2, Dự án Trang trại chăn nuôi lợn giống, lợn thịt tiêu chuẩn công nghệ và hữu cơ Ánh Dương... Cụ thể:

- Về sản lượng các sản phẩm chăn nuôi chính như sau:

+ Đàn trâu, bò: Phát triển các đàn trâu, bò tại các huyện Hoà An, Hà Quảng, Quảng Hoà với các trang trại chăn nuôi quy mô trên 10 con. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng cả năm 2022 đạt 2.311 tấn, tăng 56,38 tấn so với cùng kỳ 2021. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 2.356 tấn, tăng 57,47 tấn so với cùng kỳ với 2021. Giá trị sản xuất đạt 146.150 triệu đồng, tăng 4.340 triệu đồng so với cùng kỳ.

+ Về đàn lợn: Tăng tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 27.055 tấn (tăng 1.677 tấn so với cùng kỳ). Giá trị sản xuất đạt 665.553 triệu đồng, tăng 56.481 triệu đồng so với cùng kỳ.

+ Đàn gia cầm: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 8.330 tấn, tăng 102 tấn so với cùng kỳ năm 2021. Giá trị sản xuất đạt 504.216 triệu đồng, tăng 6.175 triệu đồng so với cùng kỳ 2021.

(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo).

2.3. Về Lâm nghiệp

- Phần đầu giá trị sản xuất lĩnh vực Lâm nghiệp cả năm đạt 425.859 triệu đồng, bằng 102% hay tăng 8.350 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021.

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ. Phần đầu tổng sản lượng gỗ khai thác đạt 27.991 tấn (tăng 548 tấn so với năm 2021); tăng cường khai thác các loại cây lâm sản như trúc 7,788 triệu cây (tăng 708.000 cây so với năm 2021 tập trung tại các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc); tre 449 nghìn cây; vầu 1,35 triệu cây...

(Chi tiết theo Biểu số 03 kèm theo).

2.4. Về thủy sản

- Phần đầu giá trị sản xuất lĩnh vực Thủy sản cả năm đạt 17.667 triệu đồng, bằng 104% hay tăng 679,5 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021.

- Tiếp tục duy trì và phát triển diện tích thủy sản sẵn có, tổ chức tốt khâu chăm sóc và thu hoạch thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 380 ha; tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 578 tấn, trong đó, khai thác 106 tấn, nuôi trồng 472 tấn.

(Chi tiết theo Biểu số 04 kèm theo).

2.5. Dịch vụ nông nghiệp

- Phần đầu giá trị sản xuất lĩnh vực Dịch vụ nông nghiệp đạt 135.979 triệu đồng, bằng 105% hay tăng 6.475 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021.

- Mục tiêu tốc độ tăng trưởng các hoạt động dịch vụ nông nghiệp như các dịch vụ trồng trọt, tưới tiêu, dịch vụ làm đất, dịch vụ chăn nuôi... tăng trưởng đều. Giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp đạt 135.979 triệu đồng tăng 6.475 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021. Tốc độ tăng trưởng đạt 5% với năm 2021.

(Chi tiết theo Biểu số 05 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo, điều hành có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông, lâm nghiệp ở địa phương; đảm bảo triển khai hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 57/QĐ-UBND, ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 08/01/2022 của

Chính phủ; Quyết định số 2515/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; tăng cường công tác điều tra, dự tính dự báo sinh vật gây hại trên cây trồng; xây dựng phương án chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao; tập trung chỉ đạo gieo trồng và thu hoạch vụ hè thu nhanh chóng, đúng thời điểm để vận động nhân dân làm đất, gieo trồng cây vụ đông để tăng vụ và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Tăng cường triển khai công tác tiêm phòng, an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi. Phát triển các mô hình chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại tập trung. Chủ động phát triển diện tích trồng cỏ các loại phục vụ chăn nuôi.

- Chủ động triển khai trong công tác trồng rừng; công tác khai thác, chế biến lâm sản trên địa bàn.

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia các mô hình, dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm các cây trồng, vật nuôi đặc hữu, có giá trị kinh tế cao trên địa bàn.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT

2.1. Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi chủ động phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế, Trung tâm dịch vụ các huyện, thành phố:

- Rà soát, theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời hướng dẫn về chuyên môn để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đối với các loại cây trồng vụ hè thu: lúa, ngô, lạc, đậu tương, lê, dẻ và các cây trồng khác.

- Phối hợp địa phương, tham mưu triển khai các phương án chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao.

- Tăng cường nghiên cứu, rà soát, lựa chọn các giống cây trồng ngắn ngày, năng suất, chất lượng cao để thực hiện tăng vụ sản xuất, nâng cao giá trị thu nhập trên diện tích sản xuất.

- Hướng dẫn các địa phương phát triển chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh giết mổ tại địa bàn.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn, thu hút, khuyến khích các dự án chăn nuôi quy mô trang trại, áp dụng công nghệ cao.

2.2. Chi cục Kiểm lâm chủ động phối hợp với các huyện, thành phố triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực lâm nghiệp: khoanh nuôi tái sinh rừng lấy gỗ; trồng cây phân tán; khai thác gỗ, củi; các loại cây lâm nghiệp: trúc, tre, vầu, hòi, quế... đảm bảo đạt sản lượng kịch bản đã đề ra.

2.3. Chi cục Phát triển nông thôn: Phối hợp với các huyện, thành phố đẩy mạnh công tác triển khai các mô hình liên kết, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.4. Chi cục thủy lợi: Tổ chức triển khai công tác đảm bảo tưới phục vụ sản xuất. Chủ động theo dõi, rà soát tình hình thời tiết, kế hoạch gieo trồng, nguồn nước, năng lực tưới của các công trình thủy lợi và kế hoạch gieo trồng của địa phương để phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố, Công ty TNHH một thành viên Thủy nông về triển khai các biện pháp đảm bảo tưới và phòng, chống hạn.

2.5. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở chủ động phối hợp với các huyện, thành phố dựa trên chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để đảm bảo đạt mục tiêu của kịch bản này.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND các huyện, thành phố, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở khẩn trương tổ chức triển khai Kế hoạch này, thường xuyên báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để cơ quan chuyên môn kịp thời phối hợp hướng dẫn, tháo gỡ. Đảm bảo đạt mục tiêu tăng trưởng chung của toàn ngành nông nghiệp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà